

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: **382/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/7/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hùng Lâm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Loan**

2. Bà **Đặng Như Hùng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Phương Ánh N** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Mai Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2022 về việc tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 177/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T** – Sinh ngày: 13/09/1991; Nơi đăng ký HKTT và địa chỉ cư trú: Số 102 K, phường H, quận T, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Bị đơn: Anh **T** – Sinh ngày: 06/10/1990; Nơi đăng ký HKTT và địa chỉ cư trú: Số 102 K, phường H, quận T, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn, các văn bản khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 07/10/2019, tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà ở riêng và chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống cũng như tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có khuyên giải nhưng không giải quyết được. Đến tháng 04 năm 2022, chị chuyển ra ngoài ở riêng từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

- **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là: Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/04/2021. Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện và phiên hòa giải ngày 30/5/2022, chị T yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là: 7.000.000 đồng/tháng (Bảy triệu đồng một tháng). Sau đó, các phiên hòa giải tiếp theo ngày 07/6/2022 và 27/6/2022, chị T đề nghị với mức cấp dưỡng nuôi con chung là: 2.000.000 đồng/tháng.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị Phạm Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Phạm Thị T tự nguyện chịu cả.

*** Tại bản tự khai, nội dung biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh T trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh T thừa nhận anh và chị T có đăng kết hôn tự nguyện vào ngày 07/10/2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Hà Nội. Trong cuộc sống, vợ chồng có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống cũng như tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có khuyên giải nhưng không giải quyết được. Đến tháng 04 năm 2022, chị T chuyển ra ngoài ở riêng từ đó đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, do vẫn còn tình cảm với vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Qua các phiên hòa giải, mặc dù được Tòa án tạo điều kiện để hai bên hàn gắn nhưng đến nay vợ chồng vẫn chưa thể hàn gắn được. Đề nghị Tòa án cho anh chị T thời gian để suy nghĩ.

- **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là: Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/04/2021. Hiện nay cháu K đang ở cùng anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nếu trường hợp chị T được quyền nuôi con chung anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Hiện nay thu nhập của anh là 15.000.000 đồng/tháng.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đồng ý để chị Phạm Thị T chịu cả.

*** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh được như sau:**

- Ngày 30/5/2022, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Vũ Thị N - sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên – Là mẹ đẻ của N đơn trong vụ án. Bà Vũ Thị N trình bày: Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng chị T, anh T có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị theo bà được biết do mâu thuẫn làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, có xảy ra xô xát, cãi vã. Anh T có hành vi đánh vợ trước mặt bà, bà có chứng kiến và có can ngăn. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh T, mặc dù gia đình vẫn muốn các con đoàn tụ để nuôi dạy cháu K (con đẻ chị T, anh T) trưởng thành nhưng nếu như các cháu sống không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07/6/2022, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Trần Thị N, sinh năm 1969; Địa chỉ: 102 K, phường H, quận T, Hà Nội – Là: Mẹ đẻ của anh T – Bị đơn trong vụ án. Theo bà N trình bày: Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị theo bà là do va chạm lối sống hằng ngày, chị T sống không hòa nhịp với gia đình nhà chồng, ra vào không chào hỏi bố mẹ chồng. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án cho hai bên gia đình có thời gian khuyên nhủ các cháu. Sau thời gian khuyên giải nếu không được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Anh T và chị Phạm Thị T kết hôn và sinh sống tại số 102 K, phường H, quận T, thành phố Hà Nội từ năm 2019. Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh K. Quá trình chung sống vợ chồng anh T phát sinh mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không nắm rõ, hiện nay chỉ biết chị T không còn sinh sống tại địa chỉ trên khoảng vài tháng nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Phòng lao động thương binh và xã hội quận T có công văn số 280/LĐTBXH ngày 05/7/2022 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho trẻ em.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu:** Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh T; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh K, sinh

ngày 18/04/2021 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị T và anh T về việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung là: 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh T có Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Số 102 K, phường H, quận T, thành phố Hà Nội vì vậy Tòa án nhân dân quận T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị T và anh T dựa trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì vậy hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống của vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T và anh T bất đồng về quan điểm lối sống cũng như tình cảm nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi cọ. Mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng anh chị hiện đã sống ly thân và không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian cũng như tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không được. Nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị T, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, quá trình khi còn chung sống không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K - sinh ngày 18/04/2021. Xét thấy: Con chung dưới 36 tháng tuổi, chị T đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung nên giao con chung cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung là: 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế theo quy định của pháp luật. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự đề chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Khoản 4, Điều 271, Điều 272, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị T được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh K - sinh ngày 18/04/2021 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là: **2.000.000 đồng/tháng** (*Hai triệu đồng một tháng*) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007679 ngày 10/05/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Thi hành án dân sự quận T;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hùng Lâm